

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2022

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Trung Hiếu

2. Ông Trần Như Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trọng Hiếu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 2 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/TB-XX, ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hà Văn L, sinh năm 1980. Có mặt

Trú tại: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông Hoàng Trọng H - Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị S, sinh năm 1984. Vắng mặt

Trú tại: Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-2-2022 bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Hà Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 02 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã P huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, chị S hay làm xa nhà không quan tâm đến gia đình, những mâu thuẫn đó anh và chị S đã nhiều lần hòa giải xong không được. Từ năm 2017 đến nay anh và chị S không sống cùng nhau nữa và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trịnh Thị S

Về nuôi con chung: Anh và chị Trịnh Thị S có 02 con chung cháu Hà Việt L1, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2001 và cháu Hà Ngọc L2, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2004 hiện nay các cháu đã đến tuổi trưởng thành nên anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Trịnh Thị S không có tài sản chung và không nợ ai nên anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Hoàng Trọng H - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Hà Văn L đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho anh Hà Văn L được ly hôn chị Trịnh Thị S. Về nuôi con chung cháu Hà Việt L1, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2001 và cháu Hà Ngọc L2, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2004 hiện nay các cháu đã đến tuổi trưởng thành nên anh L không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung anh L cũng không đề nghị Tòa án giải quyết. Quyền tự định đoạt của anh Hà Văn L được quy định tại điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề khi anh L không có yêu cầu.

Chị Trịnh Thị S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu gì. Tại phiên tòa chị Trịnh Thị S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Trịnh Thị S có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa bị đơn chị Trịnh Thị S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn L và chị Trịnh Thị S tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 02 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã P huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau, chị S hay làm xa nhà không quan tâm đến gia đình, những mâu thuẫn đó anh L và chị S đã nhiều lần hòa giải xong không được. Từ năm 2017 đến nay anh L và chị S không sống cùng nhau nữa và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Hà Văn L được ly hôn chị Trịnh Thị S.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp giải nhiều lần nhưng chị S đều cố tình lần tránh và vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Từ đó có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh Hà Văn L và chị Trịnh Thị S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn

cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của anh Hà Văn L, xử cho anh Hà Văn L được ly hôn với chị Trịnh Thị S là có cơ sở.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh Hà Văn L và chị Trịnh Thị S có 02 con chung cháu Hà Việt L1, sinh ngày 02 tháng 8 năm 2001 và cháu Hà Ngọc L2, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2004 hiện nay các cháu đã đến tuổi trưởng thành nên anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Hà Văn L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Hà Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Trịnh Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Hà Văn L được ly hôn Chị Trịnh Thị S.

2. Về án phí: Anh Hà Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2021/0001402, ngày 23-02-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên (xác nhận anh L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm. Anh Hà Văn L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã P,
- huyện V, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Lâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đình Lâm

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKS huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Lâm Giang,
huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Lâm

